

Tuần 36, 18/09/2026

Khối ngoại độc chiếm “Spotlight”

Tiêu điểm:

- Fed ngày 16-9 tăng lãi suất lần đầu kể từ năm 2023. Theo đó, Ủy ban Thị trường mở Liên bang (FOMC) nhất trí nâng lãi suất thêm 0.25 điểm phần trăm, lên 3.75-4%.
- Ngân hàng Trung ương Anh (BOE) ngày 17/9 đưa ra quyết định giữ nguyên lãi suất dù lạm phát ở nước này ngày càng vượt xa mục tiêu.
- FTSE nâng hạng TTCK VN vào ngày 21/09 được ước tính sẽ khiến dòng tiền đầu tư nước ngoài giải ngân trong tuần vào phiên ngày 18/09/2026 có thể đạt khoảng 200 triệu USD.

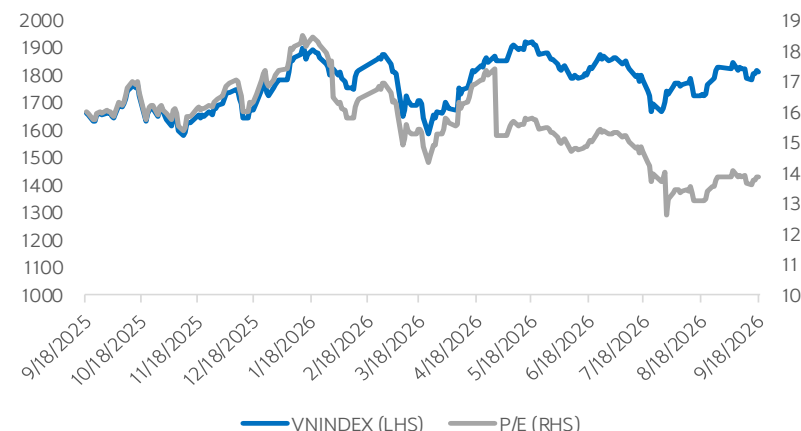
Đánh giá: Có thể thấy sau nhịp tăng lãi suất của Fed như kỳ vọng, thị trường đã có nhịp tăng sau khi đã phản ánh thông tin trên trước đó. Các phiên tiếp theo, VN-Index lại quay về câu chuyện dòng tiền nâng hạng của khối ngoại trong đợt giải ngân đầu tiên. Chúng tôi đánh giá việc nâng lãi suất khó giải quyết vấn đề lạm phát khi nguyên nhân chủ yếu đến từ nguồn cung dầu bị hạn chế (cuộc chiến vẫn dai dẳng). Trong nước, TTCK trong phiên thứ Sáu chứng kiến tổng giá trị giao dịch của khối ngoại mạnh mẽ với tổng mua và bán khoảng gần 20 nghìn tỷ, tuy vậy giá trị ròng chỉ +1,200 tỷ đồng. Nhịp mua ròng được trải dài trong suốt phiên nhưng diễn biến phiên ATC khá bất ngờ khi nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn bị bán mạnh tại mức giá thấp hơn trước đó với khối lượng giao dịch chiếm khoảng 40-50% cả phiên. Chúng tôi cho rằng lực bán đến từ các quỹ cận biên và rồi sẽ chấm dứt; chúng tôi kỳ vọng tuần sau sẽ là tuần tăng điểm.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index kết tuần tại 1,815.6 điểm (+20.45 điểm, 1.14%) trên đồ thị tuần với thanh khoản cải thiện nhẹ. Thị trường tăng điểm trong suốt cả phiên trong tuần nhưng bất ngờ giảm mạnh tại phiên ATC vào thứ Sáu; diễn biến này khá bất ngờ khi nhà đầu tư kỳ vọng dòng vốn ngoại nâng hạng sẽ tham gia mạnh mẽ. Tuy vậy, chỉ số hiện có nền giá khá tốt tại MA 50 trên 1,800 điểm.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư xem xét giải ngân vùng thấp tại nhóm vốn hóa lớn được dòng vốn nâng hạng tập trung giải ngân, có định giá hấp dẫn cùng nền tảng FA tốt. Tuy nhiên, nhà đầu tư vẫn thận trọng và không mua đuổi giá cao vì xu hướng chính vẫn là sideway trong biên độ.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,816	1.1	4.8	-0.8	1.7		13.9	2.0	337
Upcom Index	126	-0.1	-0.8	-1.4	4.5		11.5	1.6	25
HNX Index	275	1.0	-2.5	-18.1	10.7		13.7	1.5	16
VN30 Index	1,964	1.4	4.7	-0.2	-3.3		11.7	2.0	259
S&P 500 Index	7,638	-0.3	-0.7	1.8	11.6		26.2	5.6	68,149
STOXX Europe 600 Index	641	0.3	-1.7	0.6	8.3		16.9	2.4	18,667
Hang Seng	24,751	-0.2	-2.8	3.4	-3.4		12.0	1.3	3,769
Nikkei 225	65,019	1.6	-3.6	-8.5	29.2		20.4	2.8	6,628
SHCOMP Index	3,912	0.6	-2.0	-4.4	-1.4		1.5	1.5	9,324
STI Index	5,646	-0.8	-0.9	8.4	21.6		19.4	1.8	647
KOSPI Index	6,894	-0.2	0.4	-23.9	63.6		12.2	1.7	3,869

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

☎ (84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

 Theo dõi Zalo của SSV,
 Cập nhật báo cáo mới nhất


Bấm vào hình hoặc quét QR

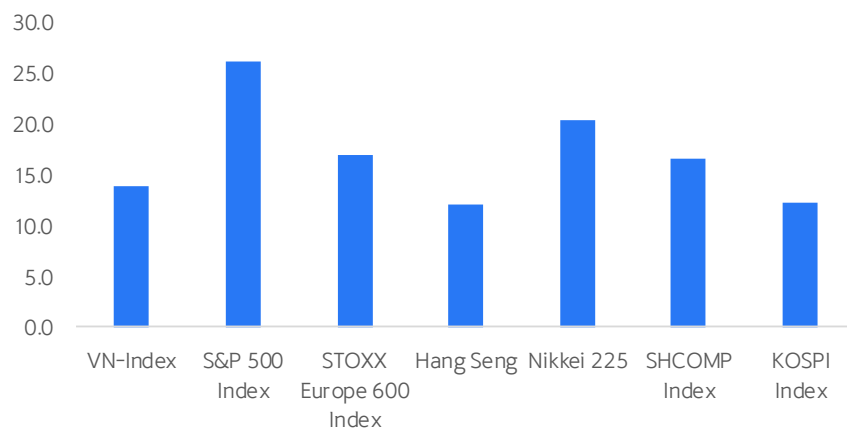
WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

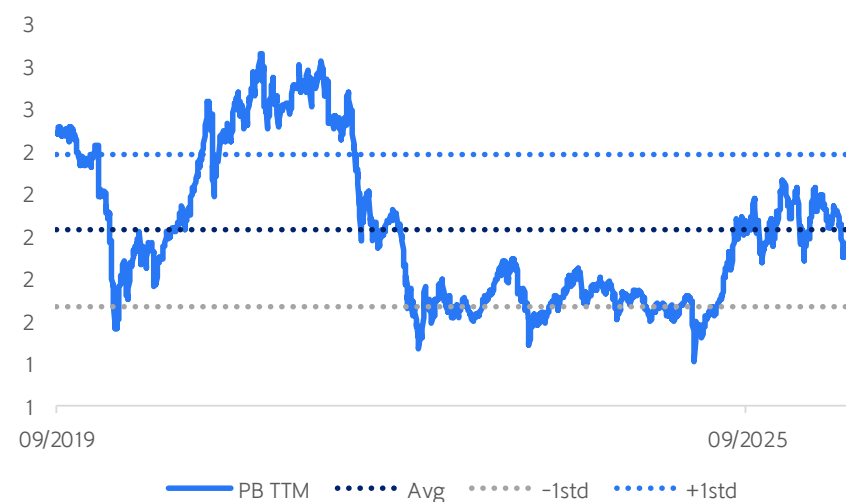
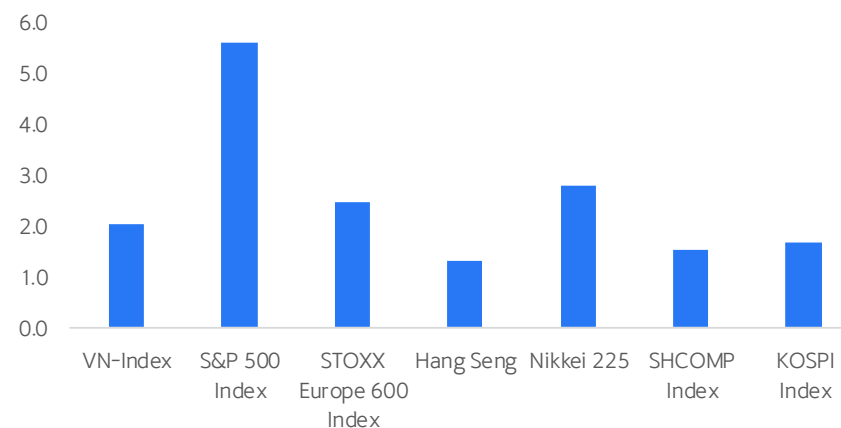
					% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
Giá trị vốn hóa	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	1.2	5.8	0.9	6.5	12.0	6.3	2.6	-27.8	91.1	0.4	15.8	2.4	8,135,132
Mid Cap	0.4	-2.2	-8.1	-8.4	5.6	-7.1	-17.0	-50.7	8.1	-0.5	10.1	1.1	520,101
Small Cap	-1.2	-2.9	-10.6	-17.7	26.4	21.5	17.3	-19.3	0.7	0.1	10.0	0.6	73,478
Theo ngành													
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Dầu khí	8.3	7.4	8.7	50.7	97.5	97.1	138.5	21.5	7.4	3.2	27.5	2.5	216,553
Bảo hiểm	5.7	0.8	2.2	13.5	181.6	145.2	152.8	19.8	0.6	0.3	15.0	1.8	63,089
Tiện ích	3.8	2.4	2.4	8.1	50.3	25.7	23.2	-32.0	2.2	0.6	14.0	2.1	352,157
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	2.6	-1.6	-12.9	-18.9	36.7	18.0	12.1	-23.3	6.4	1.2	13.0	1.9	214,309
Ngân hàng	2.3	3.5	-1.1	1.1	22.0	10.3	0.3	-27.1	27.7	2.3	9.4	1.6	2,555,529
Hóa chất	1.6	-0.9	-9.7	6.1	11.3	20.8	39.3	-41.6	3.1	0.0	14.5	1.7	202,221
Thực phẩm và đồ uống	1.4	0.9	1.9	-11.1	10.8	-10.0	-11.4	-42.7	5.0	0.0	16.7	3.0	595,552
Tài chính	1.2	-0.3	-7.4	-4.6	29.6	11.7	-3.2	-28.4	13.9	1.9	15.1	1.7	466,202
Tài nguyên cơ bản	0.8	1.8	-8.1	-8.7	0.7	-9.3	-16.8	-51.8	3.4	-0.4	12.2	1.3	220,392
Bán lẻ	0.5	-0.9	-2.4	-12.5	6.2	11.7	-9.7	-46.3	2.7	-0.1	17.8	3.3	151,988
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.4	2.0	-29.4	-31.9	-5.0	-30.5	-35.5	-27.2	1.3	-0.2	7.2	1.1	40,358
Du lịch và Giải trí	0.1	3.0	-9.7	-16.1	1.7	7.3	5.7	-18.9	1.8	-0.2	28.0	4.3	316,495
Xây dựng và vật liệu	-0.7	-3.4	-11.7	-14.3	5.5	-4.1	-23.1	-62.7	2.3	-0.1	9.5	1.2	122,465
Ô tô & Phụ tùng	-0.7	-3.5	-5.0	-0.4	5.6	-14.5	-23.0	-51.6	0.2	0.0	3.7	1.0	17,240
Bất động sản	-0.8	13.5	2.5	19.8	-23.1	-18.0	-8.8	-24.8	18.4	-8.3	6.9	3.9	2,799,955
Công nghệ Thông tin	-1.2	3.5	0.5	-24.5	-4.2	3.6	-14.3	-47.9	3.1	-0.5	12.9	2.8	134,673
Dược và Y tế	-1.4	-2.9	-7.2	-14.2	164.6	134.3	148.2	120.5	0.6	0.3	16.0	1.9	34,484
Truyền thông	-7.2	-9.7	-19.3	8.1	-20.8	-49.3	-62.2	-79.0	0.0	0.0	20.4	0.8	426

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	13,045	148,180	166,058
Ấn độ	-385	-1,302	3,545	-25,421
Indonesia	-65	-101	56	-4,193
Nhật Bản*	-9,913	-5,421	-1,384	51,626
Mayaysia	17	-181	-592	-1,292
Hàn Quốc	-6,586	-10,351	-25,436	-120,049
Sri Lanka	-1	-3	-68	-176
Đài Loan	-3,656	-6,538	-20,768	-41,161
Thái Lan	-170	-22	692	1,572
Việt Nam	54	-61	-572	-3,511

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,449	67.1	71.7	-9.0	-162.7
Nước ngoài	1,701	69.1	73.9	-7.4	-133.8
VanEck Vectors Vietnam ETF	513	0.0	0.0	-26.5	-52.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	342	-1.2	-10.0	-28.4	-127.3
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	368	-3.3	-10.9	-11.1	-5.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	273	73.6	94.9	59.5	52.8
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	-0.8	-1.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	747	-2.0	-2.3	-1.6	-28.9
DCVFMVN Diamond ETF	429	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	229	-1.3	-2.8	-2.1	-21.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF	23	-0.1	2.7	1.8	3.1
MAFN VN30 ETF	21	-0.6	-2.3	-3.8	-13.8
SSIAM VNX50 ETF	8	0.0	0.0	2.0	1.9
VinaCapital VN100 ETF	27	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	10	0.0	0.2	0.5	1.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

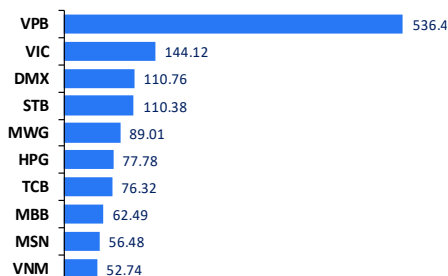
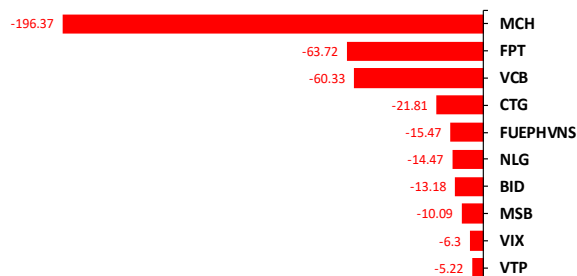
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

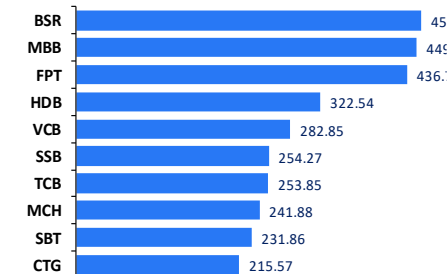
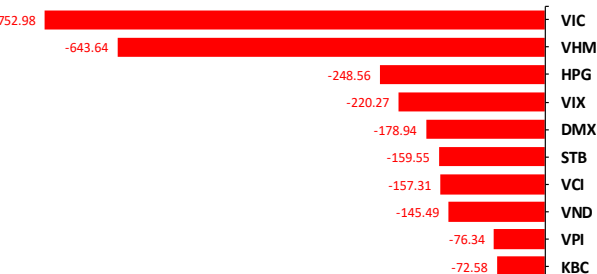
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

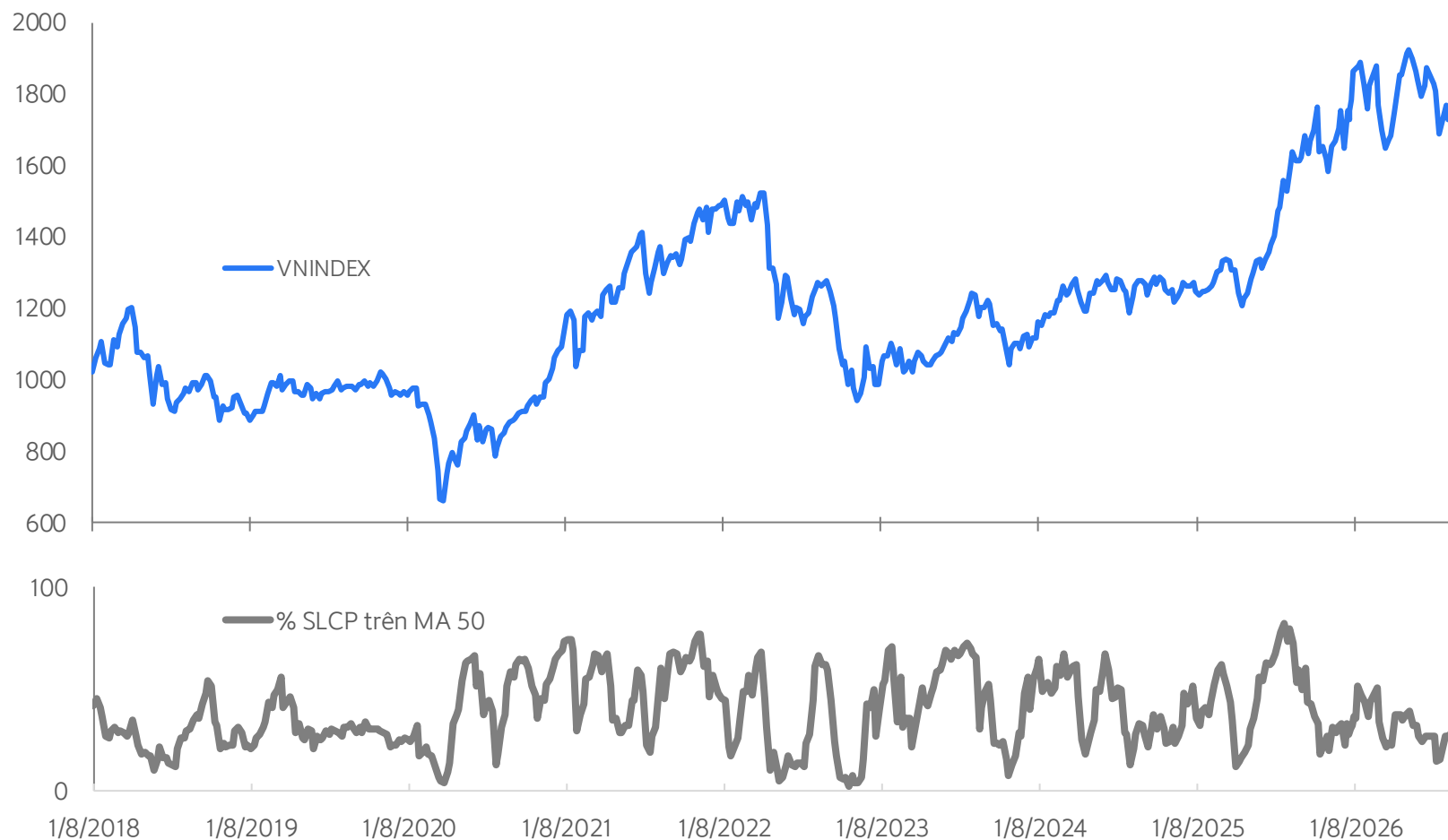
Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)
Bất động sản	170	-1,664
Tài nguyên Cơ bản	79	-264
Truyền thông	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-7	81
Y tế	0	-7
Hóa chất	-2	19
Dịch vụ tài chính	56	-665
Du lịch và Giải trí	36	88
Ngân hàng	820	2,185
Xây dựng và Vật liệu	7	98
Thực phẩm và đồ uống	-80	399
Bán lẻ	198	-111
Điện, nước & xăng dầu khí đi	1	120
Hàng cá nhân & Gia dụng	3	64
Công nghệ Thông tin	-44	437
Ô tô và phụ tùng	0	3
Bảo hiểm	0	73
Dầu khí	18	568
Tổng	1,254	1,425

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Chưa bao gồm dữ liệu phiên thứ 6

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	49	Neutral	Neutral	DXG	38	Weak	Weak	BVH	59	Neutral	Neutral	HPG	49	Neutral	Neutral	GEX	49	Neutral	Neutral
MBB	45	Neutral	Neutral	NVL	49	Neutral	Neutral	BMI	54	Strong	Strong	NKG	26	Weak	Weak	VSC	41	Weak	Weak
HDB	56	Neutral	Neutral	DIG	47	Neutral	Neutral	BIC	50	Neutral	Neutral	HSG	35	Weak	Weak	PVT	69	Strong	Strong
VPB	56	Neutral	Strong	VRE	48	Neutral	Neutral	VIX	47	Neutral	Neutral	SMC	46	Neutral	Neutral	GMD	53	Neutral	Neutral
MSB	43	Neutral	Neutral	PDR	33	Weak	Weak	SSI	58	Neutral	Strong	CII	34	Weak	Weak	HAH	56	Neutral	Neutral
TCB	48	Neutral	Neutral	VIC	60	Neutral	Strong	VND	40	Weak	Weak	HHV	30	Weak	Weak	GEE	47	Neutral	Weak
EIB	37	Neutral	Weak	KDH	33	Weak	Weak	VCI	45	Weak	Weak	VCG	26	Weak	Weak	VOS	62	Strong	Strong
ACB	44	Neutral	Neutral	VHM	45	Neutral	Neutral	HCM	48	Neutral	Neutral	PCI	42	Neutral	Weak	APH	74	Too hot	Strong
TPB	40	Neutral	Weak	TCH	53	Neutral	Strong	TCX	38	Weak	Weak	FCN	51	Neutral	Neutral	VTP	50	Neutral	Neutral
STB	62	Strong	Strong	KBC	27	Weak	Weak	ORS	45	Neutral	Neutral	VGC	52	Neutral	Neutral	SBG	56	Neutral	Strong
CTG	42	Neutral	Weak	HDG	44	Neutral	Weak	VDS	37	Weak	Weak	DPG	33	Weak	Weak	REE	62	Strong	Neutral
VIB	52	Neutral	Neutral	HDC	40	Neutral	Weak	FTS	43	Weak	Weak	CTD	40	Neutral	Weak	PAC	38	Neutral	Weak
SSB	90	Too hot	Strong	NLG	51	Neutral	Neutral	CTS	46	Neutral	Weak	CTR	42	Neutral	Neutral	TV2	44	Neutral	Neutral
VCB	56	Neutral	Neutral	DXS	40	Weak	Weak	BSI	43	Neutral	Weak	HT1	26	Weak	Weak	TCM	33	Weak	Weak
NAB	59	Strong	Neutral	NTL	44	Neutral	Weak	TCI	50	Neutral	Neutral	CTI	29	Weak	Weak	TLG	66	Strong	Strong
OCB	49	Neutral	Neutral	SIP	54	Neutral	Neutral	TVB	34	Weak	Weak	BMP	48	Neutral	Neutral	PNJ	42	Weak	Weak
BID	45	Neutral	Neutral	SZC	35	Weak	Weak	DSE	53	Neutral	Neutral					MSH	45	Neutral	Neutral
LPB	44	Neutral	Weak	BCM	45	Weak	Neutral												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	50	Neutral	Neutral	PVD	54	Neutral	Neutral	MSN	52	Neutral	Neutral	YEG	50	Neutral	Neutral	VPL	51	Neutral	Neutral
SAM	65	Neutral	Strong	BSR	69	Too hot	Strong	VNM	52	Neutral	Neutral	DCL	57	Strong	Strong	VJC	61	Strong	Neutral
ELC	42	Neutral	Weak	PLX	56	Neutral	Strong	DBC	41	Weak	Weak	DBD	39	Neutral	Weak	HVN	38	Weak	Weak
CMG	41	Neutral	Weak	POW	36	Neutral	Weak	BAF	56	Neutral	Strong	TNH	9	Weak	Weak	SCS	54	Neutral	Neutral
MWG	49	Neutral	Neutral	NT2	48	Neutral	Neutral	SAB	43	Neutral	Neutral	JVC	20	Weak	Weak	VNG	41	Weak	Weak
DGW	63	Strong	Strong	GAS	61	Strong	Strong	ANV	39	Weak	Weak					HAX	48	Neutral	Neutral
PET	55	Neutral	Neutral	GEG	42	Neutral	Neutral	VHC	33	Weak	Weak					DRC	41	Neutral	Weak
FRT	43	Weak	Neutral	PPC	36	Neutral	Neutral	MCH	58	Neutral	Neutral								

Danh sách theo dõi tiềm năng						
STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	HPG	21.55	NA	23.5	NA	KQKD 1H tăng trưởng ấn tượng. Là một trong những cổ phiếu được các bộ chỉ số FTSE rót tiền phân bổ. Cổ phiếu thùng nền hỗ trợ phù hợp với chiến lược mua tích lũy với tỷ trọng nhỏ hơn là giao dịch ngắn hạn
2	TCH	11.85	NA	NA	NA	Doanh nghiệp bất động sản ít vay nợ, phù hợp trong bối cảnh lãi suất tăng cao. Nền giá đang có xu hướng tạo đáy và tích lũy gần vùng MA 50
3	BVH	68.5	NA	13	NA	Nhóm bảo hiểm hưởng lợi từ lãi suất huy động tăng. Có sự phục hồi tốt từ vùng đáy với thanh khoản cải thiện
4	GAS	88	NA	80	NA	Câu chuyện thoái vốn nhà nước hỗ trợ cho GAS. Cấu trúc giá mạnh khi đã hoàn toàn vượt khỏi MA 50 với thanh khoản tốt
5	SSI, VCI, HCM...	NA	NA	NA	NA	Nhóm chứng khoán được hưởng lợi mạnh mẽ khi thị trường bước vào nhịp uptrend, đi cùng là câu chuyện dòng vốn nâng hạng

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DGC	Hóa chất	34.80 - 103.00	36.0	-23.1%
2	TNH	Y tế	6.65 - 14.45	6.7	-16.2%
3	HAS	Xây dựng và Vật liệu	7.19 - 11.40	9.4	-13.8%
4	BHN	Thực phẩm và đồ uống	27.10 - 35.20	27.5	-12.7%
5	SC5	Xây dựng và Vật liệu	14.05 - 18.30	14.6	-12.6%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
34.9%	11.8	5.93 - 11.85	Bán lẻ	PIT
31.7%	24.1	13.23 - 24.80	Ngân hàng	SSB
30.5%	5.7	3.10 - 11.90	Xây dựng và Vật liệu	HID
11.6%	38.1	33.80 - 42.99	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TMS
10.1%	8.4	6.41 - 19.20	Hàng cá nhân & Gia dụng	GIL

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VLA	Công nghệ Thông tin	6.20 - 13.00	7.0	-10.3%
2	PCE	Hóa chất	17.70 - 21.40	17.8	-10.1%
3	VC6	Xây dựng và Vật liệu	16.80 - 40.00	18.0	-10.0%
4	SCI	Xây dựng và Vật liệu	7.00 - 13.10	9.0	-10.0%
5	BTW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	47.90 - 99.00	89.1	-10.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
29.4%	4.4	1.70 - 4.50	Xây dựng và Vật liệu	SVN
20.9%	8.1	3.90 - 14.50	Truyền thông	DST
20.0%	1.2	1.00 - 2.80	Y tế	AMV
17.2%	7.5	3.20 - 11.40	Tài nguyên Cơ bản	SHN
16.9%	7.6	6.00 - 10.90	Công nghệ Thông tin	UNI

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VBH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.90 - 19.60	7.6	-36.1%
2	HOT	Du lịch và Giải trí	11.10 - 23.50	15.4	-31.6%
3	DUS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.40 - 8.60	5.4	-27.0%
4	LDW	Tiêu dùng không thiết yếu	19.00 - 28.70	19.0	-26.9%
5	HNP	Hóa chất	11.50 - 30.00	13.3	-26.9%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
50.7%	30.9	13.60 - 40.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	DNL
39.2%	14.2	6.90 - 14.20	Bất động sản	SLD
38.8%	6.8	4.90 - 6.80	Du lịch và Giải trí	DLD
37.1%	8.5	6.20 - 8.50	Công nghệ Thông tin	PMT
35.7%	9.5	6.40 - 9.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	UCT

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	ACG	Gỗ An Cường	Tài nguyên Cơ bản	536.3	967.0	31.7	3.65 - 5.73	7.3
2	AST	Dịch vụ Hàng không Taseco	Bán lẻ	1,622.4	514.6	63.7	54.17 - 67.90	-6.2
3	MSH	Máy Sóng Hồng	Hàng cá nhân & Gia dụng	3,549.7	249.6	30.2	28.40 - 41.50	0.5
4	NTL	Đô thị Từ Liêm	Bất động sản	13,862.3	233.8	12.6	12.00 - 21.50	-1.2
5	VOS	Vận tải Biển Việt Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13,502.7	225.2	12.0	10.00 - 18.75	4.4
6	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	Tài nguyên Cơ bản	3,560.3	196.3	29.8	28.60 - 46.40	-0.7
7	MIG	Bảo hiểm Quân đội	Bảo hiểm	2,382.1	171.0	15.7	15.00 - 21.35	1.0
8	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Bảo hiểm	61,885.2	170.6	68.5	47.10 - 88.50	7.0
9	PVD	Khoan Dầu khí PVD Drilling	Dầu khí	181,303.0	158.2	19.2	11.26 - 27.26	3.5
10	BFC	Phân bón Bình Điền	Hóa chất	5,523.9	153.6	47.6	39.85 - 77.90	1.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

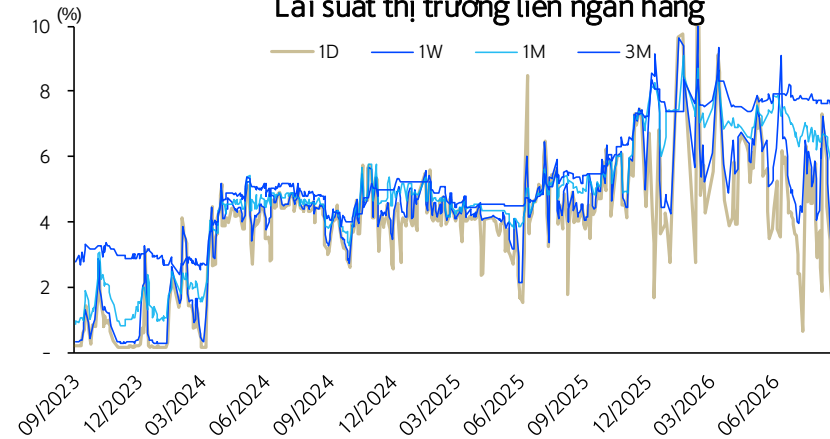
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	100.32	1.2	0.7	-0.5	2.0	
VND/USD	26,003	0.3	-0.7	-1.2	-1.1	
KRW/USD	1,384.90	3.2	-1.8	-10.0	-3.8	
JPY/USD	157.57	2.6	-1.3	-2.4	0.5	
EUR/USD	0.87	1.0	0.8	-0.3	2.2	
SGD/USD	1.28	0.7	-0.1	-1.0	-0.7	
CNY/USD	6.70	-0.1	-0.7	-1.0	-4.2	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	100.00	0.0	17.7	30.5	74.2	
Xăng	346.02	4.6	4.8	15.5	102.9	
Gas	2.86	1.0	3.0	-11.6	-22.5	
Than	144.65	-2.3	11.9	0.6	34.6	
Vàng	4,393.90	1.0	1.4	4.4	1.7	
Bạc	66.97	3.8	5.7	2.0	-6.6	
Platinum	1,817.20	1.0	5.9	7.0	-11.8	
Quặng sắt	97.42	-1.3	2.6	-3.8	-9.1	
Thép cán	3,317.00	-0.8	1.5	-1.4	1.4	
Lúa mì	723.50	2.3	8.9	19.4	42.7	
Ngô	528.75	3.6	14.1	26.6	20.1	

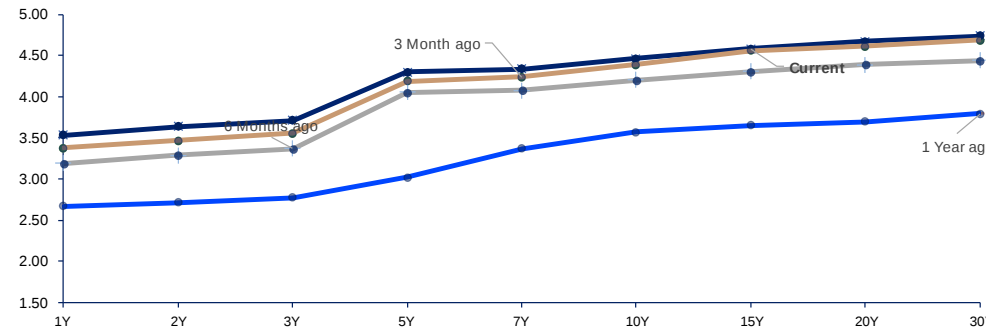
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.53	3.64	3.71	4.30	4.33	4.46	4.58	4.56	4.31
Thay đổi (WoW)	0.00	0.00	0.90	3.30	0.20	-0.20	0.20	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.